TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ LONG MỸ** **TỈNH HẬU GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 199/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 29 - 9 - 2020
V/v "Tranh chấp ly hôn".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN DÂN NHÂN THỊ XÃ LONG MỸ- TỈNH HẬU GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thanh Ngân.

- Các hội thẩm nhân dân:

Bà Hồ Thị Út

Bà Nguyễn Thị Diễm

Thư ký phiên tòa: Bà Trần Ngọc Ngà – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Long Mỹ.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang tham gia phiên toà*:** Bà Nguyễn Mỹ Diện - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 9 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Long Mỹ mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 68/2020/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 3 năm 2020 về việc "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 161/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 9 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị C, sinh năm: 1947

Địa chỉ: Ấp T, xã L, thị xã Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang.

2. Bị đơn: Ông Trần Văn T, sinh năm: 1945.

ĐKHK: Ấp T, xã L, thị xã Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang.

Chỗ ở hiện nay: Khu vực B, phường V, thị xã Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, quá trình thu thập chứng cứ và tại phiên tòa nguyên đơn bà Nguyễn Thị C trình bày: Bà C và ông T chung sống như vợ chồng vào

năm 1971 nhưng không có đăng ký kết hôn. Hôn nhân do ông bà cùng tự nguyện.

Nguyên nhân mâu thuẫn: Do không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống nên bà C và ông T đã ly thân kéo dài 17 năm. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn nên bà C yêu cầu được ly hôn với ông T.

Về con chung: Bà C và ông T có 07 con chung tên: Trần Văn H, sinh năm 1971 (Chết); Trần Văn H, sinh năm 1973; Trần Thị Mọng C, sinh năm 1975; Trần Thị Mọng T, sinh năm: 1979; Trần Văn N, sinh năm: 1982; Trần Thị Mộng X, sinh năn: 1983; Trần Thị Mộng Đ, sinh năm: 1988. Các con đã trưởng thành.

Về tài sản chung: Bà C và ông T tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Bị đơn ông Trần Văn T trình bày: Ông T thống nhất với lời trình bày của bà C về các vấn đề: Quan hệ hôn nhân, con chung, tài sản chung và nợ chung. Do phát sinh mâu thuẫn, vợ chồng bất đồng quan điểm, cuộc sống chung không hạnh phúc nên bà C yêu cầu ly hôn, ông T cũng đồng ý.

Về con chung: Đã trưởng thành nên không yêu cầu.

Về tài sản chung: Ông T và bà C tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang phát biểu quan điểm như sau: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký, nguyên đơn, bị đơn đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Nguyễn Thị C được ly hôn với bị đơn Trần Văn T. Về con chung: Đã trưởng thành. Về tài sản chung chưa yêu cầu giải quyết nên chưa xem xét; Về nợ chung không có nên không xem xét. Về án phí nguyên đơn được miễn theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đây là vụ án ly hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[2] Về nội dung: Bà Nguyễn Thị C và ông Trần Văn T xác lập quan hệ vợ chồng từ năm 1971, nhưng không có đăng ký kết hôn. Theo điểm a, khoản 3 Nghị quyết số 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội về việc thi hành luật hôn nhân và gia đình năm 2000 quy định *"trong trường hợp quan hệ vợ chồng được xác lập trước ngày 03 tháng 01 năm 1987, ngày Luật hôn nhân và gia đình năm 1986 có hiệu lực mà chưa đăng ký kết hôn thì được khuyến khích đăng ký kết hôn;trong trường hợp có yêu cầu ly hôn thì được Tòa án thụ lý giải quyết theo quy định về ly hôn của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000".* Bà C và ông T xác lập quan hệ hôn nhân vào năm 1971 nên hôn nhân giữa bà C và ông T là hôn nhân thực tế. Quá trình chung sống bà C và ông T phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là thường xuyên cự cải, bất đồng quan điểm, cuộc sống chung không hạnh phúc nên đã ly thân kéo dài 17 năm. Tại phiên tòa bà C vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện xin ly hôn và ông T cũng đồng ý ly hôn với bà C nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Nguyễn Thị C.

Về con chung: Đã trưởng thành.

Về tài sản chung: Bà C và ông T đã tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết, nên không xem xét.

Về công nợ: không phát sinh, nên không xem xét.

[3] Xét đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị C thuộc diện người cao tuổi và được miễn nộp tiền án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Điều 28; Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Khoản 1 Điều 56, khoản 1 Điều 131 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Theo điểm a, khoản 3 Nghị quyết số 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 của

Quốc hội về việc thi hành luật hôn nhân và gia đình năm 2000.

- Điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Nguyễn Thị C. Cho bà Nguyễn Thị C được ly hôn với ông Trần Văn T.

2. Về con chung: Đã trưởng thành.

3. Về tài sản chung: Đã tự thỏa thuận, không yêu cầu.

4. Về công nợ: không phát sinh.

5. Án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị C thuộc diện người cao tuổi và được miễn nộp tiền án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, ngày 29/9/2020.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Trần Thanh Ngân

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Hậu Giang;
- Các đương sự;
- VKSND thị xã Long Mỹ;
- Chi cục THADS TX Long Mỹ;
- UBND xã Long Phú;
- Lưu hồ sơ vụ án, VP.